

Bản án số: 76/2021/HS-ST
Ngày 17-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia và ông Nguyễn Văn Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2021/TLST-HS, ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Dương Như H - Sinh ngày: 03/6/1990 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Dương Như G - Sinh năm: 1966 và bà: Tạ Thị T - Sinh năm: 1968, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2.Họ và tên: Dương Đình K - Sinh ngày: 13/10/1988 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Dương Đình C - Sinh năm: 1962 và bà: Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1968, gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong

gia đình, có vợ là; Nguyễn Thùy S – Sinh năm: 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Đàm Văn C, sinh năm 1999;

Trú tại: Xóm P, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Văn M, sinh năm: 1989;

2. Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm: 1980;

3. Chị Hà Thị H, sinh năm: 1981 (là vợ anh H);

Cùng trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh M và anh H có mặt tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Văn H, sinh năm: 2004;

Trú tại: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Hoàng Đình H, sinh năm: 1974;

3. Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 2003;

Cùng trú tại: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Anh H có mặt; anh H và chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 30/01/2021, Lê Văn M, có hẹn Đàm Văn C, đến cầu vượt cao tốc thuộc xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, để đổi điện thoại. Tại đây M đã đưa cho C một chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 2i, C đưa lại cho M một chiếc điện thoại Iphone 6s plus (máy bản lock), cùng số tiền là 380.000 đồng. Sau khi trao đổi xong, M mang điện thoại Iphone 6s plus về sử dụng. Nhưng không dùng được theo ý muốn của mình, nên đã bán chiếc điện thoại này đi với giá 1.200.000 đồng. Sau đó M đã dùng tài khoản trên mạng xã hội Facebook giả là người mua điện thoại để liên lạc với C, hỏi mua chiếc điện thoại Huawei Nova 2i, qua trao đổi C đồng ý bán với giá 1.600.000 đồng. Đến trưa ngày 01/02/2021, M đến nhà Dương Như H, kể cho H biết về việc trao đổi điện thoại với C, rồi nhờ H giả làm người mua điện thoại gọi cho C và hẹn C đến gặp. M dặn H nếu thấy đúng chiếc điện thoại Huawei Nova 2i thì thu lại cho M. H đồng ý, rồi H giả làm người mua điện thoại gọi

diện cho C, hẹn C đến cổng sau trường Quân sự Quân khu I, thuộc xóm V, xã T, huyện P, để giao dịch mua điện thoại. Sau đó H gọi và rủ thêm Dương Đình K, để đi cùng H, K đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô BKS 20G1 - 018.70 chở theo K, còn M điều khiển xe mô tô BKS 20G1 - 289.78, đến điểm hẹn nhưng chưa thấy C đến. H, K và M lại quay về nhà K ngồi nói uống nước nói chuyện, tại đây M nói cho K biết việc trao đổi điện thoại với C và nhờ K đi cùng H đến gặp C để lấy lại chiếc điện thoại Huawei Nova 2i, K đồng ý, rồi ai về nhà đấy. Đến khoảng 16 giờ 16 phút cùng ngày, H lấy một chiếc gậy rút 03 khúc để vào trong cốp xe mô tô BKS 20G1 - 018.70 của Hải, rồi đi đón K. M điều khiển xe mô tô của mình đi theo sau H và K, khi đến gần cổng sau trường Quân sự Quân khu I. H và K đi xe đến chỗ C còn M đứng chờ trong ngõ cách khoảng 200m. Lúc này C và Đỗ Văn H (Sinh năm 2004, trú tại xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) đang đứng chờ. H và K đi đến gần, H bảo C đưa cho xem điện thoại, C đưa cho H xem chiếc điện thoại Huawei Nova 2i. H cầm được điện thoại trên tay, rồi H bỏ điện thoại vào trong cốp xe mô tô của mình và nói “mày lừa điện thoại của thằng M tao thu cái điện thoại này”, đồng thời, H lấy một chiếc gậy rút trong cốp xe ra, cầm gậy ở tay phải bật gậy ra. C và H thấy vậy không có phản ứng gì, H lấy điện thoại của H gọi cho M bảo M đến. M điều khiển xe mô tô của M đi đến chỗ H; khi M đến, H hỏi M “có phải thằng này không”, M trả lời là “phải”. Ngay lập tức, K dùng tay phải tát một phát trúng vào mặt của C, còn H cầm gậy rút ở tay phải vụt một phát trúng vào lưng C. Sau đó H và K lên xe mô tô của H và cùng M rời khỏi hiện trường đi về. Trên đường về nhà M hỏi H, “điện thoại của nó đâu”, H nói “điện thoại tôi để trong cốp xe đây rồi”. Khi về đến nhà H, thì H mở cốp xe mô tô ra lấy chiếc điện thoại Huawei Nova 2i ở trong cốp đưa cho M. Sau khi xảy ra sự việc, C và H đã đến Công an xã T trình báo vụ, việc và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Hậu quả: Đàm Văn C bị thương nhẹ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã tiến hành ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích của Đàm Văn C, nhưng C từ chối không đi giám định thương tích.

Ngày 03/02/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã trưng cầu định giá chiếc điện thoại Huawei Nova 2i nêu trên. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐG ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Bình kết luận giá trị chiếc điện thoại là 1.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKSPB, ngày 12-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K phạm tội: “Cướp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Dương Như H từ 06 năm - 06 năm 06 tháng tù; bị cáo Dương Đình K từ 5 năm 06 tháng - 06 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại (Anh C) số tiền là 1.000.000 đồng;

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 của BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 ống kim loại màu trắng bạc; 01 đoạn gậy kim loại màu trắng bạc phần cán cầm có bọc cao su màu đen; 01 áo khoác gió màu xanh – trắng – đen, sau lưng áo in chữ “First Edition” đã qua sử dụng; 01 quần cộc ngắn màu nâu – vàng đã qua sử dụng; 01 mũ cối màu xanh đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu nâu xám kẻ caro chìm; 01 quần vải ống dài màu đen và 01 đôi dép tổ ong.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo Dương Như H;

+ Trả lại cho anh Đàm Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova2i; trả lại cho chị Hà Thị H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, BKS 20G1-018.70; trả lại cho anh Lê Văn M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc BKS 20G1-289.78 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Bị hại anh Đàm Văn C có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo; xin được trả lại cho anh chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 2i và nhất trí việc các bị cáo bồi thường tiếp cho anh số tiền 02 triệu đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Văn M và anh Nguyễn Tiến H đề nghị được trả lại tài sản là chiếc xe mô tô, điện thoại di động đã bị tạm giữ để quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng trưa ngày 01/02/2021, anh Lê Văn M đã nhờ bị cáo H trực tiếp đi giao dịch mua điện thoại với anh Đàm Văn C nên bị cáo H đã rủ bị cáo K đi cùng để gặp anh C. Vào khoảng 16 giờ 16, tại khu vực cổng sau Trường quân sự Quân khu I (Xóm V, xã T, huyện P), sau khi gặp anh C và được anh C đưa cho chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 2i nên bị cáo H cầm lấy và cất chiếc điện thoại này vào cốp xe của mình. Sau đó, bị cáo K đã dùng tay phải tát trúng mặt anh C, tiếp đó, bị cáo K dùng gậy 03 khúc vụt một phát trúng lưng anh C nhằm uy hiếp tinh thần anh C để chiếm đoạt chiếc điện thoại nêu trên của anh C có giá trị là 1.000.000 đồng, sau đó bị cáo H đã đưa lại chiếc điện thoại này cho anh Lê Văn M.

Xét thấy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi dùng sử dụng phương tiện nguy hiểm (*Gậy 03 khúc*) để chiếm đoạt tài sản (*Điện thoại di động*) của anh Đàm Văn C là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi đó của các bị cáo Dương Như H và Dương Đình Đình K đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Cướp tài sản”, với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là: “*Sử dụng phương tiện nguy hiểm*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của BLHS. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo về các tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật:

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ nguy hiểm của tội phạm là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đây là vụ án hình sự cướp tài sản do các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K cùng thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người rút gậy ra ngay tức khắc và đe dọa để anh C không dám lấy lại điện thoại, sau đó đã dùng gậy vụt vào lưng anh C, bị cáo K là người giúp sức về mặt tinh thần, uy hiếp tinh thần anh C giúp bị cáo H thực hiện hành vi phạm (Bị cáo K đã tát 01 phát trúng mặt anh C). Như vậy xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì bị cáo H có vai trò lớn hơn bị cáo K. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc lên một mức án phù hợp với nhân thân vai trò, tính chất mức độ phạm tội do từng bị cáo gây ra.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, tại phiên tòa bị hại còn xin giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo, nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét thấy các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội do nể nang và không có ý thức chiếm đoạt tài sản nên có thể

áp dụng điều 54 của BLHS xét xử dưới khung hình phạt đối với cả hai bị cáo. Tuy nhiên, dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt, nhưng xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian phù hợp nên mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của BLHS thì người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền ...Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thấy các bị cáo nhất thời phạm tội và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova 2i của anh Đàm Văn C; sau đó, bị cáo H đưa lại cho anh Lê Văn M quản lý. Sau khi vụ việc bị phát hiện, anh M đã giao nộp lại chiếc điện thoại nói trên cho cơ quan điều tra để xử lý theo quy định pháp luật (Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục THADS huyện Phú Bình), quá trình điều tra và tại phiên tòa anh C yêu cầu trả lại chiếc điện thoại này để sử dụng. Xét yêu cầu này của anh C là có căn cứ, nên cần trả lại chiếc điện thoại này cho anh C quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo tuy không gây thiệt hại cho sức khỏe của anh C nhưng cũng đã ảnh hưởng phần nào đến tinh thần của anh C. Quá trình điều tra gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh C số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo và anh C đã thỏa thuận thống nhất: Các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh C số tiền 2.000.000 đồng (Mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 1.000.000 đồng). Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 590 của BLDS và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, cần chấp nhận và công nhận sự thỏa thuận nêu trên.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của BLHS và Điều 106 BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Đối với những vật chứng gồm: 01 ống kim loại màu trắng bạc; 01 đoạn dây kim loại màu trắng bạc phần cán cầm có bọc cao su màu đen; 01 áo khoác gió màu xanh – trắng – đen, sau lưng áo in chữ “First Edition” đã qua sử dụng; 01 quần cộc ngắn màu nâu – vàng đã qua sử dụng; 01 mũ cối màu xanh đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay màu nâu xám kẻ caro chìm; 01 quần vải ống dài màu đen và 01 đôi dép tổ ong ...Xét thấy đây là vật chứng không có giá trị và không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Đối với các tài sản gồm: Xe mô tô BKS 20G1-018.70 đã tạm giữ của chị Hà Thị H, xe mô tô BKS 20G1-289.78 và chiếc điện thoại Nokia màu đen đã tạm giữ của anh Lê Văn M; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova 2i đã tạm giữ thuộc quyền sở hữu của anh Đàm Văn C, xét thấy không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho chủ sở hữu quản lý sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS.

- Đối với những vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen thuộc quyền sở hữu của bị cáo H, tuy nhiên bị cáo H đã sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội (Đã liên lạc với anh C và anh M trước khi thực hiện hành vi phạm tội), vì vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính đối với bị cáo H, công nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hướng xử lý vật chứng vụ án ... là phù hợp với các quy định của Pháp luật cần được chấp nhận. Tuy nhiên về đề nghị mức hình phạt chính đối với bị cáo K, xét thấy bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu trong vụ án, bản thân chưa có tiền án, tiền sự phạm tội do nể nang và nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính đối với bị cáo K là nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận mà cần xử phạt bị cáo K mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tương ứng với 05 năm tù là phù hợp để cho bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng trở và trở về với gia đình; điều đó cũng cho bị cáo thấy được sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[8] Liên quan đến vụ án, còn có Lê Văn M đã dùng thủ đoạn gian dối để nhờ Hgia làm người đến để lừa C giao ra chiếc điện thoại nhằm chiếm đoạt. M là người tổ chức, H và K thực hiện, nhưng H và K có hành vi cướp tài sản đây là hành vi vượt quá của người thực hành, nên M không đồng phạm với H và K về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Bộ luật hình sự. Sau sự việc H giao lại chiếc điện thoại cho M, nhưng do giá trị tài sản là 1.000.000 đồng, bản thân M chưa bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa có tiền án về các tội xâm phạm sở hữu theo quy định của BLHS, vì vậy hành vi nêu trên của Lê Văn M không cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 BLHS nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ đối với hành vi của M đề nghị Công an huyện Phú Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn M theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[9] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam các bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sung quỹ Nhà nước, theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 47; 48, điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 54, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Các Điều 357, 468, 584, 586, 587 và Điều 590 của BLDS, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP;

- Điều 106, Điều 136 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các Dương Như H và Dương Đình K phạm tội: “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Dương Như H **06** (Sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 04/02/2021.

- Xử phạt bị cáo Dương Đình K **05** (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 04/02/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định khoản 6 Điều 168 của BLHS.

4. Áp dụng Điều 329 của BLTTHS: Ra Quyết định tạm giam các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K mỗi bị cáo với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại như sau:

- Bị cáo Dương Như H và Dương Đình K phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho anh Đàm Văn C số tiền là 2.000.000 đồng. Cụ thể: Mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh C số tiền là **1.000.000** đồng (Một triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Anh C), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Bị cáo H, K) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau đây: 01 ống kim loại màu trắng bạc bị han gỉ, một đầu bằng, một đầu tròn dài 25 cm, đường kính 01 cm, được niêm phong trong túi giấy ký hiệu A; 01 đoạn gậy kim loại màu trắng bạc phần cán cầm có bọc cao su màu đen, chiều dài gậy là 43,5 cm, cán cầm dài 24 cm, đầu nhỏ đường kính 1,5 cm,

đầu to đường kính 2,5 cm, được niêm phong vào bì giấy ký hiệu A3; 01 áo khoác gió màu xanh – trắng – đen, sau lưng áo in chữ “First Edition” đã qua sử dụng; 01 quần cộc ngắn màu nâu – vàng đã qua sử dụng; toàn bộ được niêm phong ký hiệu A5; 01 mũ cối màu xanh đã qua sử dụng, được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu A4; 01 áo sơ mi dài tay màu nâu xám kẻ caro chìm, ở ngực trái có gắn mác DOLCE & GABANA bằng kim loại màu trắng; 01 quần vải ống dài màu đen và 01 đôi dép tông màu xanh, tất cả được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu A2.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Dương Như H được niêm phong trong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu HC4;

- Trả lại cho anh Đàm Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova2i máy màu vàng cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu HC7.

- Trả lại cho chị Hà Thị H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ cam, BKS 20G1-018.70, có số khung PE7A*011260*, số máy FMH*011260*, xe có 01 gương chiếu hậu bên trái, xe cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Lê Văn M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc BKS 20G1-289.78, xe có đủ 2 gương chiếu hậu, xe có số khung RLHHC1211DY737394, số máy HC12E5736745 xe cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen máy cũ đã qua sử dụng được niêm phong trong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu HC5.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

7. Về án phí: Buộc các bị cáo Dương Như H và Dương Đình K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

8. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo và bị hại báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Lê Văn M, anh Nguyễn Tiến H) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Chị Hà Thị H) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Các bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn